TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16/5/2019
V/v: "Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Hoàng Văn Thành.**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. **Bà Nguyễn Thị Thanh Hương.**
2. **Bà Nguyễn Thị Vĩnh.**
- *Thư ký phiên tòa*: **Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh** – Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên toà:*
Bà Vũ Thị Huế - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* **Chị Lò Thị In,** sinh năm 1994
HKTT: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: Đội 1, bản B, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên
** Bị đơn:* **Anh Đặng Văn N**, sinh năm 1990
HKTT: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, Thái Bình.
Hiện đang thi hành án tại: Đội 26, Phân trại 1, Trại giam Thanh Xuân thuộc Cục cảnh sát quản lý trại giam - Bộ công an – Địa chỉ: xã Mỹ Hưng, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

(Chị I; anh N có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 20/3/2019 và Bản tự khai ngày 21/3/2019 chị Lò Thị I nguyên đơn trình bày:

** Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Đặng Văn N ngày 14/8/2013 do tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N chơi bời cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, đến ngày 19/7/2014 anh N bị

bắt về tội: "Mua bán người" và hiện anh N đang thi hành án tại Trại giam Thanh Xuân, Hà Nội, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2014 đến nay. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở bản B, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh Đặng Văn N.

* *Về con chung:* Chị và anh N có 01 con chung là Đặng Huy H, sinh ngày 25/12/2011. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh N đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/3/2019 và bản tự khai ngày 03/5/2019 anh Đặng Văn N bị đơn trình bày: Hiện anh thi hành án tại Trại giam Thanh Xuân- Hà Nội từ ngày 21/3/2015.

* *Về quan hệ hôn nhân:* Anh kết hôn với chị Lò Thị I vào tháng 8/2010 do tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh vi phạm pháp luật và bị kết án phạt tù. Nay chị I xin ly hôn, anh đồng ý.

* *Về con chung:* Anh và chị I có 01 con chung là Đặng Huy H, sinh ngày 25/12/2011, hiện con đang ở với mẹ anh là bà Trần Thị B ở Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, ly hôn anh có nguyện vọng giao con cho mẹ anh nuôi. Nếu chị I xin nuôi con thì anh không cấp dưỡng nuôi con vì anh đang thi hành án phạt tù.

* *Về tài sản:* Anh và chị I không có tài sản chung, không có tài sản riêng, không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn Tòa án đã gửi đầy đủ các tài liệu tố tụng cho anh N và anh N đã có ý kiến chị I xin ly hôn, anh N đồng ý. Tại phiên tòa ngày 07/5/2019 chị In vắng mặt nên HĐXX đã căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự hoãn phiên tòa là đúng pháp luật. Tại phiên tòa ngày 16/5/2019, chị I và anh N có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt chị I, anh N là đúng pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề N HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật xử cho chị Lò Thị I được ly hôn anh Đặng Văn N; Chị I và anh N có 01 con chung là Đặng Huy H, sinh ngày 25/12/2011. Ly hôn chị I có nguyện vọng nuôi con và cháu H có lời khai xin ở với mẹ, bên cạnh đó hiện anh N đang thi hành án phạt tù nên không trực tiếp nuôi con được, vì vậy đề N HĐXX giao con Đặng Huy H cho chị I trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị I không yêu cầu anh N phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản: Chị I, anh N không đề N Tòa

án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Chị In phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại lời khai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Đông Hưng, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản mà chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 07/5/2019 chị In vắng mặt nên HĐXX đã căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa ngày 16/5/2019, chị I và anh N có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt chị I và anh N.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lò Thị I và anh Đặng Văn N kết hôn ngày 14/8/2013 do tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N chơi bời, không chăm lo cho gia đình, đến tháng 7/2014 anh N bị bắt về tội: "Mua bán người" và hiện đang thi hành án tại Trại giam Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó. Chị I đã về nhà bố mẹ đẻ ở bản B, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, nay chị I xin ly hôn, anh N đồng ý.

[2.1] Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 10/4/2019 giữa chị I và anh N, UBND xã Đ và cơ sở thôn P cung cấp như sau: Chị Lò Thị I và anh Đặng Văn N kết hôn ngày 14/8/2013 do tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể địa phương không nắm được, hiện anh N đang chấp hành án về tội: "Mua bán người", chị I đã về gia đình nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Điện Biên sinh sống. Nay chị I xin ly hôn với anh N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị I và anh N có 01 con chung là Đặng Huy H, sinh ngày 25/12/2011, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.2] Do anh N vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, tuy nhiên chị I và anh N đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng không còn, chị I xin ly hôn, anh N đồng ý. HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị I, anh N đã trầm trọng và không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị I xin ly hôn anh N đồng ý nên cần được chấp nhận theo yêu cầu của các đương sự, xử cho chị I được ly hôn anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56

Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị I và anh N có 01 con chung là Đặng Huy H, sinh ngày 25/12/2011. Ly hôn chị I có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh N đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Anh N có đề N giao con cho mẹ đẻ anh nuôi. Tuy nhiên việc nuôi con là trách nhiệm của cha mẹ trừ khi cha mẹ không đủ điều kiện để nuôi con theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó cháu Đặng Huy H có lời khai xin ở với chị I và hiện anh N đang thi hành án phạt tù nên không trực tiếp nuôi con được. Vì vậy để đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho con nên giao cho chị I trực tiếp nuôi con Đặng Huy H và chấp nhận việc chị I không yêu cầu anh N phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản:* Chị I và anh N không có tài sản chung, không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí và quyền kháng cáo:* Chị Lò Thị I phải chịu án phí hôn nhân gai đình sơ thẩm và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 N quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị I được ly hôn anh Đặng Văn N.

2. Về con chung: Xử giao chị Lò Thị I trực tiếp nuôi con chung Đặng Huy H, sinh ngày 25/12/2011 và chấp nhận việc chị I không yêu cầu anh N phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị I và anh N không có tài sản chung, không có tài sản riêng, không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị I phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị I đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007934 ngày 21/3/2019 thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Chị Lò Thị I và anh Đặng Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đông Hưng;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đông H;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

HOÀNG VĂN THÀNH